

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi ĐKKH: thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh B;

Nơi ở: thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi ĐKKH: thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh B;

Nơi ở: thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2023, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn tháng 7 năm 2011, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu nhà anh A, vợ chồng ở tại thôn S, xã Q. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh A không tu chí làm ăn, có quan hệ và chung sống với người phụ nữ khác thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi. Từ năm 2020 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm

đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tuấn Ngh, sinh ngày 23/01/2012 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 01/6/2017. Hiện 02 con chung đang ở với chị, vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị Đ có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh A.

Về con chung: chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn Ngh, sinh ngày 23/01/2012 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 01/6/2017, chị không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Tuấn A trong quá trình giải quyết vụ án anh A không đến Tòa án làm việc, không nộp cho Tòa án bản tự khai trình bày ý kiến về việc chị Đ xin ly hôn với anh và yêu cầu giải quyết về con chung, tại phiên toà anh A vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Hoàng Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: giao cho chị Đ nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn Ngh, sinh ngày 23/01/2012 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 01/6/2017, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

Về án phí: chị Hoàng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: chị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh A có nơi đăng ký hộ khẩu tại thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh B. Nơi ở: thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết về con chung là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa anh A vắng mặt nhưng đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh A là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đ và anh A kết hôn với nhau năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn Chị Đ cho rằng anh A không tu chí làm ăn và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau. Anh A đã bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác, thỉnh thoảng mới về nhà. Từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh A. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương cho biết anh A kết hôn với chị Hoàng Thị Đ năm 2011, sau khi kết hôn chị Đ về làm dâu gia đình anh A, vợ chồng chị Đ sống tại thôn S, xã Q. Quá trình chung sống, vợ chồng chị Đ, anh A phát sinh mâu thuẫn địa phương không rõ. Đến nay chị Đ xin ly hôn anh A đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị H là bố mẹ đẻ của anh A cho biết vợ chồng chị Đ, anh A chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong việc làm ăn kinh tế, công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn, anh A đi làm ăn xa. Đến nay chị Đ xin ly hôn anh A gia đình mong muốn vợ chồng chị Đ về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử thấy, chị Đ và anh A đã sống ly thân, anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Đ được ly hôn anh A là phù hợp.

[3] Về con chung: chị Đ và anh A có 02 con chung là Nguyễn Tuấn Ngh, sinh ngày 23/01/2012 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 01/6/2017. Vợ chồng ly hôn, chị Đ xin được nuôi dưỡng 02 con chung, chị Đ không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản làm việc với bà Trần Thị H xác định hiện nay anh Nguyễn Tuấn A đi làm ăn xa chưa về trực tiếp chăm sóc các con được. Hội đồng xét xử thấy: chị Đ và anh A có 02 con chung đều chưa thành niên, chị Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Ngh và cháu Vy. Chị Đ hiện làm công nhân có thu nhập 17.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/ tháng nên đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại bản tự khai cháu Ngh có nguyện vọng được ở với anh A. Tuy nhiên, xét thấy hiện nay anh A đi làm ăn xa, không có nhà nên chưa thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngh. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống và học tập, chăm sóc cháu Ngh và cháu V nên cần giao cho chị Đ nuôi dưỡng cháu Ngh và cháu V là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không buộc anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

Sau khi ly hôn anh A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Đ không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: giao cho chị Hoàng Thị Đ nuôi con chung là Nguyễn Tuấn Ngh, sinh ngày 23/01/2012 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 01/6/2017. Anh Nguyễn Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

Sau khi ly hôn anh A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Hoàng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004866 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Hoàng Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh

